

Số: 2635 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 30 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành

**Công trình: Mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác kiểm nghiệm,
khám bệnh, chữa bệnh cho một số đơn vị y tế công lập trực thuộc Sở Y tế**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước và Thông tư số 64/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BTC;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 377/TTr-STC ngày 25/7/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành:

- Công trình: Mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác kiểm nghiệm, khám bệnh, chữa bệnh cho một số đơn vị y tế công lập trực thuộc Sở Y tế.

- Địa điểm cung cấp, lắp đặt: Tại Bệnh viện Y học cổ truyền, Trung tâm Kiểm nghiệm Dược phẩm - Mỹ phẩm và Trung tâm Y tế các huyện, thị xã: Tuy Phước, Phù Cát, Hoài Ân, Hoài Nhơn, Vĩnh Thạnh, Vân Canh, thị xã An Nhơn.

- Chủ đầu tư: Sở Y tế Bình Định.

- Thời gian khởi công - Hoàn thành: Năm 2018 - 2019.

Điều 2. Kết quả đầu tư.

1. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nguồn vốn	Giá trị thẩm tra quyết toán	Thực hiện	
		Đã thanh toán	Còn được thanh toán
Tổng số	26.763.569.000	26.655.882.000	107.687.000
- Vốn ngân sách nhà nước (theo Quyết định số 4568/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của UBND tỉnh và Quyết định số 4905/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh)	26.763.569.000	26.655.882.000	107.687.000

2. Chi phí đầu tư:



Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Dự toán	Chi phí đầu tư chủ đầu tư đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán
1	2	3	4
Tổng số	26.993.891.000	26.655.882.000	26.763.569.000
- Chi phí thiết bị	26.848.010.000	26.618.440.000	26.618.440.000
- Chi phí tư vấn (CP thẩm định giá thiết bị)	37.442.000	37.442.000	37.442.000
- Chi phí khác (CP thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành)	108.439.000	0	107.687.000

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: Không.

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
Tổng số			26.763.569.000	26.763.569.000
1- Tài sản dài hạn (TS cố định)			26.763.569.000	26.763.569.000

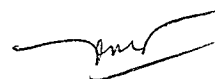
Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Được phép tắt toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị tính: đồng

Nguồn	Số tiền	Ghi chú
Tổng số	26.763.569.000	
1. Đã bố trí: Vốn ngân sách nhà nước (theo Quyết định số 4568/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của UBND tỉnh Bình Định về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2018, Quyết định số 4905/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán sự nghiệp y tế, dân số và gia đình đã giao tại Quyết định số 4568/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của UBND tỉnh).	26.655.882.000	
2. Chưa bố trí:	107.687.000	



- Tổng các khoản công nợ phải trả tính đến ngày BCQT : 107.687.000 đồng

Trong đó: Chi phí khác (Thẩm tra, phê duyệt quyết toán) : 107.687.000 đồng

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tên tài sản	Số lượng	Tài sản cố định dài hạn
1	Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	1. Hệ thống X-Quang kỹ thuật số	01	4.413.734.000
2	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	1. Hệ thống X-Quang kỹ thuật số	01	4.413.734.000
3	Bệnh viện Y học cổ truyền Bình Định	1. Máy rửa phim Xquang tự động	01	196.063.000
		2. Máy siêu âm chẩn đoán màu	01	1.406.628.000
		3. Máy siêu âm điều trị	01	99.540.000
		4. Máy điều trị bằng sóng ngắn	01	313.701.000
		5. Máy điều trị bằng từ trường	01	85.463.000
		6. Máy giặt đồ vải 30kg	01	296.608.000
		7. Máy sấy đồ vải 30kg	01	281.527.000
Cộng STT 3:				2.679.530.000
4	Trung tâm Y tế huyện Vân Canh	1. Máy siêu âm chẩn đoán màu	01	1.406.628.000
		2. Máy đốt điện cổ tử cung	01	100.495.000
		3. Bộ dụng cụ khám và điều trị tai mũi họng	01	291.480.000
Cộng STT 4:				1.798.603.000
5	Trung tâm Y tế huyện Hoài Nhơn	1. Máy siêu âm chẩn đoán màu	01	1.406.628.000
		2. Máy phân tích huyết học tự động 18 thông số	01	283.437.000
		3. Máy thở CPAP (không xâm nhập chạy điện)	01	100.495.000
		4. Monitor sản khoa hai chức năng	01	93.507.000
		5. Monitor phòng mổ 6 thông số (không có EtCO2)	01	179.976.000
		6. Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	02	319.734.000
		7. Máy điện tim 3 kênh	02	78.405.000
		8. Đèn mổ di động	01	192.996.000
		9. Máy truyền dịch	01	36.146.000
Cộng STT 5:				2.691.324.000



[Handwritten signature]

Số TT	Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tên tài sản	Số lượng	Tài sản cố định dài hạn
6	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	1. Máy siêu âm chẩn đoán màu	01	1.406.628.000
		2. Máy phân tích huyết học tự động 18 thông số	01	283.437.000
		3. Máy phân tích sinh hóa bán tự động	01	118.643.000
		4. Máy phân tích nước tiểu bán tự động 10 thông số	01	37.202.000
		5. Monitor sản khoa hai chức năng	01	93.507.000
		6. Monitor phòng mổ 6 thông số (không có EtCO2)	01	179.976.000
		7. Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	01	159.867.000
		8. Máy điện tim 3 kênh	02	78.405.000
		9. Máy đo độ Oxy bão hòa	02	45.245.000
		10. Giường bệnh đa năng	04	249.352.000
		11. Tủ sấy tiệt trùng 74 lít	01	42.430.000
Cộng STT 6:				2.694.692.000
7	Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	1. Máy siêu âm chẩn đoán màu	01	1.406.628.000
		2. Máy phân tích nước tiểu bán tự động 10 thông số	01	37.202.000
		3. Máy gây mê kèm thở	01	995.398.000
		4. Monitor sản khoa hai chức năng	01	93.507.000
		5. Máy điện tim 3 kênh	02	78.405.000
		6. Máy đo độ Oxy bão hòa	01	22.623.000
		7. Giường bệnh đa năng	01	62.338.000
Cộng STT 7:				2.696.101.000
8	Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	1. Máy siêu âm điều trị	01	99.540.000
		2. Máy phân tích huyết học tự động 18 thông số	01	283.437.000
		3. Máy xét nghiệm sinh hóa tự động 180 test/h (gồm điện giải)	01	722.920.000
		4. Máy gây mê kèm thở	01	995.398.000
		5. Monitor phòng mổ 6 thông số (có EtCO2)	01	241.308.000
		6. Hệ thống kéo giãn cột sống	01	277.505.000

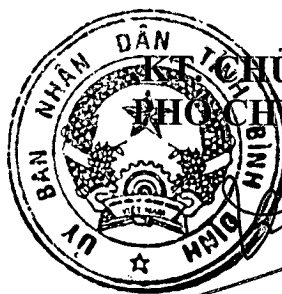
Số TT	Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tên tài sản	Số lượng	Tài sản cố định dài hạn
		7. Máy ly tâm	01	51.077.000
Cộng STT 8:				2.671.185.000
9	Trung tâm kiểm nghiệm Dược phẩm - Mỹ phẩm	1. Máy chuẩn độ Karl Fisher	1	330.794.000
		2. Kính hiển vi 2 đầu thị kính kết nối với máy tính	1	164.894.000
		3. Tủ nuôi cấy an toàn sinh học cấp 2	1	175.954.000
		4. Máy sắc ký lỏng hiệu năng cao	1	1.497.118.000
		5. Máy thử độ hòa tan	1	535.906.000
Cộng STT 9:				2.704.666.000
Tổng cộng STT từ 1-9:				26.763.569.000

Điều 4. Chủ đầu tư, đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm quản lý, sử dụng công trình theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước. Căn cứ số liệu quyết toán được duyệt, các cơ quan liên quan cấp phát, thanh toán, hạch toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo đúng quy định.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ đầu tư, Thủ trưởng đơn vị tiếp nhận tài sản và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Chủ tịch, PCT Nguyễn Tuấn Thanh;
- PVP NN;
- Lưu VP, K15.



Nguyễn Tuấn Thanh